TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN U MINH THƯỢNG** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2018/HS-ST
Ngày: 30.5.2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH THƯỢNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Ông Bùi Tấn Nghĩa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hoàng Hổ.

2. Ông Phạm Duy Tân.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Tú Nguyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Hồ Thanh Lam - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 14/2018/TLST-HS ngày 10 tháng 5 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2018/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 5 năm 2018 đối với bị cáo:

Phạm Văn D, sinh năm 1983; Nơi sinh: huyện T B, tỉnh Cà Mau; Nơi đăng ký NKTT và chổ ở hiện nay: ấp 6, xã T P, huyện T B, tỉnh Cà Mau; Nghề nghiệp: buôn bán; Trình độ văn hóa: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc kinh; Tôn giáo: không; Con ông Phạm Văn P, sinh năm 1953 và bà Nguyễn Thị T (đã chết); Vợ: Phạm Tuyết A, sinh năm 1987; Con 01 người, sinh năm 2015; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 07/3/2018 đến ngày 13/3/2018 thì thay thế biện pháp ngăn chặn "Cho gia đình bảo lãnh" đến nay. (Có mặt tại phiên tòa).

* *Người bị hại:* bà Nguyễn Thị Nh, sinh năm 1986. (Có mặt).

Địa chỉ cư trú: Tổ 2, ấp M T A, xã M T, huyện U M T, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Phạm Văn D, sinh sống bằng nghề buôn bán đồ nhựa dạo. Vào khoảng 06 giờ ngày 06/3/2018, D điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 94F8-1728 chở đồ nhựa đi bán từ ấp 6, xã T P, huyện T B, tỉnh Cà Mau theo các tuyến lộ đến địa bàn xã M T, huyện U M T, tỉnh Kiên Giang để bán dạo. Khi đi đến nhà bà Nguyễn Thị Nh thuộc

ấp M Th, xã M T, huyện U M T, tỉnh Kiên Giang, D thấy nhà bà Nh không có người nên dừng xe lại rồi đi vào nhà bà Nh tìm kiếm tài sản lấy trộm. D đi đến cái tủ nhựa đặt trong nhà bà Nh lục soát, lấy trong tủ nhựa một cái bóp nữ rồi đi ra ngoài lộ mở bóp ra xem thì phát hiện trong bóp có 1.940.000 đồng tiền Việt Nam; 01 (một) sợi dây chuyền vàng 18k trọng lượng 06 (sáu) phân; 01 (một) thẻ bảo hiểm; 01 giấy phép lái xe; 01 giấy đăng ký xe mô tô xe máy; 01 giấy cầm đồ. D lấy sợi dây chuyền vàng 18k và số tiền bỏ vào trong cặp của mình rồi ném cái bóp cùng giấy tờ bỏ lại trên lộ. Sau đó D lên xe mô tô chạy về hướng xã A M B để tiếp tục đi bán dạo. Lúc này bà Nguyễn Thị Nh từ ngoài hè đi vào nhà phát hiện bị mất trộm tài sản, nghi do D lấy trộm nên lấy xe mô tô chạy đuổi theo D. Khi bà Nh chạy xe đến nhà bà Huỳnh Ngọc H thuộc ấp M T B, xã M T, huyện U M T thì thấy D đang bán đồ nhựa cho bà Hân nên bà Nh yêu cầu D quay lại nhà để kiểm tra. D đồng ý chạy xe về nhà bà Nh, trên đường chạy về D ném bỏ sợi dây chuyền vàng 18k xuống lộ. Khi về đến nhà thì bà Nh trình báo cho Cơ quan Công an.

Qua điều tra, Phạm Văn D thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và giao nộp số tiền D trộm được cho Cơ quan Công an là 1.940.000đ (Một triệu, chín trăm bốn mươi nghìn đồng).

Tại bản kết luận về việc định giá tài sản trong tố tụng hình sự số: 03/KL-HĐĐG ngày 12/3/2017 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện U Minh Thượng, kết luận: 01 (một) sợi dây chuyền vàng 18k kiểu lò tối, trọng lượng 06 (sáu) phân, được định giá tại thời điểm bị xâm hại có giá trị là 1.440.000đ (Một triệu bốn trăm bốn mươi nghìn đồng).

Về vật chứng trong vụ án: Ngày 06/3/2018 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện U Minh Thượng đã tổ chức truy tìm: 01 (một) sợi dây chuyền vàng 18k kiểu lò tối, trọng lượng 06 (sáu) phân, nhưng không tìm gặp.

Về xử lý vật chứng: Ngày 14/3/2018 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện U Minh Thượng đã trả cho bị hại Nguyễn Thị Nh số tiền Việt nam là 1.940.000đ (Một triệu chín trăm bốn mươi nghìn đồng); trả cho Phạm Văn D là: 01 (một) cái cặp bằng vải màu đen (loại cặp quảy), cặp có 01 ngăn chính và 03 ngăn phụ hai bên, mỗi ngăn đều có dây kéo, cặp cũ đã qua sử dụng; 01 (một) chiếc xe mô tô biển kiểm soát 94F8-1728 loại xe Wave hiệu ARROW.6 Trung Quốc, số máy: AR152FH-006147; số khung: TVCH1CX41006150, xe cũ đã qua sử dụng; 01 (một) giấy đăng ký mô tô, xe máy số 0047446.

Tại bản Cáo trạng số 13/CT-VKS ngày 07/5/2018 Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang đã truy tố bị cáo Phạm Văn D về tội: "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 36 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn D từ 24 tháng đến 30 tháng cải tạo không giam giữ, không khấu trừ thu nhập cá nhân của bị báo.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Phạm Văn D và người bị hại Nguyễn Thị Nh đã thỏa thuận khắc phục xong đề nghị Hội đồng xét xử miễn xét.

Tại phiên tòa:

Bị cáo D thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng đã truy tố. Bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt và không có ý kiến gì khác.

Người bị hại Nguyễn Thị Nh thống nhất với nội dung cáo trạng đã nêu và lời trình bày của bị cáo. Về trách nhiệm dân sự bà Nh đã nhận lại tài sản không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm. Về trách nhiệm hình sự bà Nh yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phần nói lời sau cùng: Bị cáo không nói lời sau cùng.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan, người tiến hành tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện U Minh Thượng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến và khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi bị truy tố của bị cáo: Trong quá trình điều tra, tại phiên tòa qua kết quả thẩm vấn, lời khai bị cáo, cùng các chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ thể hiện: Vào khoảng 07 giờ 30 phút, ngày 06/3/2018 Phạm Văn D lợi dụng lúc nhà bà Nguyễn Thị Nh không có ai, tài sản không người trông giữ nên đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Phạm Văn D lén lút đột nhập vào nhà bà Nh lấy trộm tài sản, tài sản trộm được gồm có: 01 (một) sợi dây chuyền vàng 18k, trọng lượng 06 (sáu) phân, trị giá 1.440.000 đồng và tiền mặt là 1.940.000 đồng. Tổng tài sản trộm cắp được có giá trị là 3.380.000đ (Ba triệu ba trăm tám mươi nghìn đồng).

Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, nội dung bản Cáo trạng, lời khai của người bị hại, kết luận định giá tài sản và phù hợp các chứng cứ có trong hồ sơ đã được làm rõ tại phiên tòa. Bị cáo có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, bị cáo đã thực hiện hoàn thành hành vi trộm cắp tài sản. Hội đồng xét xử có cơ sở kết luận bị cáo Phạm Văn D đã có hành vi lén lút lấy trộm của bà Nguyễn Thị Nh tài sản có giá trị là 3.380.000 đồng.

Do đó, hành vi của bị cáo Phạm Văn D đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự như kết luận của Viện kiểm sát là hoàn toàn có căn cứ và đúng quy định pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, Hội đồng xét xử nhận thấy: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo là người có đủ năng lực

trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật; bị cáo đã xâm phạm trái phép đến quyền sở hữu tài sản của bị hại được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an trên địa bàn, gây ra sự hoang mang lo lắng cho quần chúng nhân dân trong việc quản lý và bảo vệ tài sản, làm tăng thêm sự phức tạp về tình hình trật tự an toàn xã hội tại địa phương. Do đó, cần có mức hình phạt thật nghiêm tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo.

[4] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi phạm tội bị cáo và gia đình đã chủ động bồi thường thiệt hại theo yêu cầu của người bị hại để khắc phục hậu quả do bị cáo gây ra; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng là các tình tiết giảm nhẹ được áp dụng theo quy định tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Ngoài ra, bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự; bị cáo có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng; người bị hại bà Nh có yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo có tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[5] Sau khi xem xét tính chất, mức độ nguy hiểm của xã hội cho hành vi phạm tội, hậu quả của tội phạm, nhân thân của bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Xét thấy, bị cáo D được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại Điều 51 Bộ luật hình sự, Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù mà giao về cho gia đình và chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú quản lý, giáo dục cũng đủ răn đe và việc không bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù sẽ không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm; tạo điều kiện cho bị cáo được cải tạo, sửa đổi thành một công dân tốt có ích cho gia đình và xã hội, thể hiện tính nhân đạo, khoan hồng của pháp luật.

[6] Hội đồng xét xử xét thấy, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát huyện U Minh Thượng về tội danh, điều luật áp dụng là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

[7] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự thì bị cáo còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ thể hiện bị cáo D không có mức thu nhập không ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[8] Về các vấn đề khác:

- Về biện pháp tư pháp: Ngày 14/3/2018 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện U Minh Thượng đã trao trả cho bị hại Nguyễn Thị Nh số tiền Việt nam là 1.940.000 đồng; trả cho bị cáo Phạm Văn D là: 01 (một) cái cặp bằng vải màu đen (loại cặp quảy), cặp có 01 ngăn chính và 03 ngăn phụ hai bên, mỗi ngăn đều có dây kéo, cặp cũ đã qua sử dụng; 01 (một) chiếc xe mô tô biển kiểm soát 94F8-1728 loại xe Wave hiệu ARROW.6 Trung Quốc, số máy: AR152FH-006147; số khung: TVCH1CX41006150, xe cũ đã qua sử dụng; 01 (một) giấy đăng ký mô tô, xe máy số 0047446, đúng theo quy định của pháp

luật, nên HĐXX không xem xét.

- Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Phạm Văn D và người bị hại Nguyễn Thị Nh đã thỏa thuận khắc phục xong. Người bị hại Nhanh không yêu cầu bị cáo D bồi thường gì thêm, nên Hội đồng xét xử miễn xét.

- Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Phạm Văn D phạm tội "Trộm cắp tài sản".

2. Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Phạm Văn D 06 (sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (mười hai) tháng. Thời điểm tính thời gian thử thách kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Phạm Văn D cho Ủy ban nhân dân xã T P, huyện T B, tỉnh Cà Mau tiếp tục quản lý, giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì phải thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi bị cáo cư trú để Ủy ban nhân dân cấp xã thông báo cho Cơ quan thi hành án hình sự theo đúng quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

"Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo"

3. Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46, Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

- Trả cho bị hại Nguyễn Thị Nh số tiền Việt nam là 1.940.000 đồng; trả cho bị cáo Phạm Văn D là: 01 (một) cái cặp bằng vải màu đen (loại cặp quảy), cặp có 01 ngăn chính và 03 ngăn phụ hai bên, mỗi ngăn đều có dây kéo, cặp cũ đã qua sử dụng; 01 (một) chiếc xe mô tô biển kiểm soát 94F8-1728 loại xe Wave hiệu ARROW.6 Trung Quốc, số máy: AR152FH-006147; số khung: TVCH1CX41006150, xe cũ đã qua sử dụng; 01 (một) giấy đăng ký mô tô, xe máy số 0047446. Ngày 14/3/2018 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện U Minh Thượng đã trao trả xong.

4. Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Phạm Văn D và người bị hại Nguyễn Thị Nh đã thỏa thuận khắc phục xong. Người bị hại Nhanh không yêu cầu bị cáo D bồi thường gì thêm, nên Hội đồng xét xử miễn xét.

5. Án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 99 của Bộ luật tố tụng hình sự; các Điều 6, 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Phạm Văn D phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

6. Quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện U Minh Thượng;
- Cơ quan THA Dân sự huyện U Minh Thượng;
- Công an huyện U Minh Thượng;
- Sở tư pháp tỉnh Kiên Giang;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Tấn Nghĩa